TÒA ÁN NHÂN DÂN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG	**Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2017/DS-PT

Ngày 12 tháng 9 năm 2017

V/v "Tranh chấp chia thừa kế"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ toạ phiên toà: Ông Trương Chí Trung

Các Thẩm phán: Ông Cao Văn Hiếu

Bà Nguyễn Thị Hạnh

-Thư ký phiên toà*:* Bà Lê Thị Thuý Hằng-Cán bộ TAND TP Đà Nẵng.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa*:* Ông Ngô Văn Hùng-Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 10/2010/TLPT-DS ngày 10 tháng 02 năm 2010 về việc "Tranh chấp chia thừa kế", do Bản án dân sự sơ thẩm số: 49/2009/DS-ST ngày 28 tháng 12 năm 2009 của Tòa án nhân dân quận T, thành phố Đà Nẵng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 37/2017/QĐPT ngày 10 tháng 8 năm 2017; Quyết định hoãn phiên tòa số: 49/2017/QĐ-PT ngày 24 tháng 8 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 51/2017/QĐ-PT ngày 05 tháng 9 năm 2017 giữa:

-*Nguyên đơn:* Bà Ngô Thị M1, sinh năm: 1941.

Trú tại: X4 K, phường Q, quận T, thành phố Đà Nẵng.

Người đại diện theo uỷ quyền cho nguyên đơn: (Hợp đồng uỷ quyền ngày 02/5/2007): Ông Văn Minh T, sinh năm: 1974. Địa chỉ: X9 K, phường Q, quận T, thành phố Đà Nẵng và ông Ngô Tấn H3, sinh năm: 1974. Địa chỉ: Thôn H, xã C, huyện V, thành phố Đà Nẵng (ông T có mặt, ông H3 vắng mặt).

-*Bị đơn:* Ông Ngô Tấn H1, sinh năm: 1930.

Trú tại: Tổ X1, phường Q, quận T, thành phố Đà Nẵng.

Người đại diện theo uỷ quyền cho bị đơn: (giấy uỷ quyền ngày 24/12/2009)*:* Ông Ngô Tấn H2, sinh năm: 1968. Trú tại: Tổ X1, phường Q, quận T, thành phố Đà Nẵng (có mặt).

-Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1/ Ông Ngô Tấn H3, sinh năm: 1974.

Trú tại: Thôn H, xã C, huyện V, thành phố Đà Nẵng (vắng mặt).

2/ Ông Ngô Tấn T1 , sinh năm: 1959.

Trú tại: X/13 đường X, thành phố T, tỉnh L (vắng mặt).

3/ Ông Ngô Tấn M, sinh năm: 1963.

Trú tại: Tổ B, phường T, quận T, thành phố Đà Nẵng (vắng mặt).

4/ Ông Ngô Tấn P2, sinh năm: 1967.

Trú tại: Tổ X, phường Q, quận T, thành phố Đà Nẵng (vắng mặt).

5/ Ông Ngô Tấn V, sinh năm: 1969.

Trú tại: Tổ X, phường Q, quận T, thành phố Đà Nẵng (vắng mặt).

6/ Ông Ngô Tấn D, sinh năm: 1970.

Trú tại: Tổ X1, phường Q, quận T, thành phố Đà Nẵng (vắng mặt).

7/ Bà Ngô Thị Quý D1, sinh năm: 1973.

Trú tại: Tổ X, phường Q, quận T, thành phố Đà Nẵng (vắng mặt).

8/ Ông Ngô Tấn Đ, sinh năm: 1979.

Trú tại: Tổ X, phường Q, quận T, thành phố Đà Nẵng (vắng mặt).

9/ Bà Ngô Thị Quý D2, sinh năm: 1976.

Trú tại: Tổ X, phường Q, quận T, thành phố Đà Nẵng (vắng mặt).

10/ Bà Ngô Thị Quý P, sinh năm: 1981.

Trú tại: Tổ X, phường Q, quận T, thành phố Đà Nẵng (vắng mặt).

11/ Bà Ngô Thị M2, sinh năm: 1952.

Trú tại: X/4, đường 41, phường S, quận T, thành phố H (vắng mặt).

12/ Bà Ngô Thị Tấn A, sinh năm: 1957.

Trú tại: Tổ X4, phường Đ, quận T, thành phố Đà Nẵng.

13/ Bà Ngô Thị Tấn T1, sinh năm: 1969.

Trú tại: Tổ X3 phường Q, quận T, thành phố Đà Nẵng.

14/ Ông Ngô Tấn T3, sinh năm: 1971.

Trú tại: Tổ X phường M, quận T, thành phố Đà Nẵng.

15/ Bà Ngô Thị Tấn T2, sinh năm: 1972.

Trú tại: X, đường K, phường Q, quận T, thành phố Đà Nẵng.

16/ Ông Ngô Tấn T2, sinh năm: 1978.

Trú tại: Thôn H, xã C, huyện V, thành phố Đà Nẵng.

-Người đại diện theo uỷ quyền của các ông, bà Ngô Thị Tấn T1, Ngô Thị Tấn T2, Ngô Tấn T3, Ngô Tấn T2: (Hợp đồng uỷ quyền ngày 02/5/2007)*:* Ông Văn Minh T, sinh năm: 1974. Địa chỉ: X9 K, phường Q, quận T, thành phố Đà Nẵng và ông Ngô Tấn H3, sinh năm: 1974. Địa chỉ: Thôn H, xã C, huyện V, thành phố Đà Nẵng. (ông T có mặt, ông H3 vắng mặt).

17/ Bà Nguyễn Thị T2, sinh năm: 1937.

Trú tại: Tổ X1, phường Q, quận T, thành phố Đà Nẵng.

Người đại diện theo uỷ quyền của bà Nguyễn Thị T2: (Giấy uỷ quyền ngày 24/12/2009)*:* Ông Ngô Tấn H2, sinh năm: 1968.Trú tại: Tổ X1, phường Q, quận T, thành phố Đà Nẵng (có mặt).

18/ Ông Ngô Tấn T4, sinh năm: 1971.

Trú tại: Tổ X, phường Q, quận T, thành phố Đà Nẵng (vắng mặt).

Người kháng cáo: Ông Ngô Tấn H1.

Viện kiểm sát kháng nghị: Viện Trưởng-Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng.

NỘI DUNG VỤ ÁN

-Nguyên đơn, bà Ngô Thị M1, trình bày:

Cha của tôi là ông Nguyễn Tấn P1, sinh năm 1909 có ba người vợ.

Người vợ thứ nhất là bà Lý Thị H và sinh được ba người con là: Ngô Tấn H1, Ngô Tấn T5 và tôi (Ngô Thị M1).

Ông Ngô Tấn T5 chết năm 2001 và có mười người con là: Ngô Tấn T1, Ngô Tấn T3, Ngô Tấn M, Ngô Tấn P2, Ngô Tấn V, Ngô Tấn D, Ngô Thị Quý D1, Ngô Thị Quý D2, Ngô Thị Quý P và Ngô Tấn Đ.

Người vợ thứ hai là bà Nguyễn Thị H và sinh được hai người con là: Ngô Thị M2 và Ngô Thị Tấn A.

Người vợ thứ ba là bà Nguyễn Thị T1 và sinh được năm người con là: Ngô Thị Tấn T1, Ngô Tấn T4, Ngô Thị Tấn T2, Ngô Tấn H3 và Ngô Tấn T2.

Giữa cha tôi với bà Nguyễn Thị H có tạo lập được một ngôi nhà cấp bốn diện tích khoảng 42m^2 nằm trên diện tích đất 988,8m^2 tại tổ X1, phường Q, Đà Nẵng.

Nhà và đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở tạm thời năm 2002. Năm người em con bà T1 cũng có đóng góp xây dựng căn nhà nói trên.

Năm 1999, cha tôi qua đời, năm 2006 mẹ kế là Nguyễn Thị H cũng qua đời, cả hai không để lại di chúc.

Sau đó, ông Ngô Tấn H1 đã tự ý đập phá, san bằng ngôi nhà của cha mẹ để lại hòng chiếm đoạt toàn bộ tài sản.

Nay tôi yêu cầu Toà án chia di sản thừa kế của cha mẹ chết để lại là một lô đất có diện tích 988,8m^2 tại tổ X1, phường Q, quận T, số thửa 38 tờ bản đồ số 76 đã có giấy chứng nhận tạm thời quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở cho những người được hưởng thừa kế theo quy định.

-Bị đơn, ông Ngô Tấn H1 trình bày:

Lô đất hiện bà M1 yêu cầu chia thừa kế là do vợ chồng tôi khai hoang năm 1960, đóng thuế từ năm 1976 đến nay.

Năm 1975, gia đình cho khối phố T mượn làm hội trường sinh hoạt đến năm 1977 khối phố giao trả lại cho gia đình tôi.

Nay bà M1 yêu cầu chia thừa kế thì tôi không đồng ý vì đây là đất của vợ chồng ông.

-Người liên quan, bà Nguyễn Thị T2 trình bày:

Vào năm 1960, tôi lập gia đình với ông Ngô Tấn H1. Lúc này gia đình gia đình ông H1 gồm có: Cha Ngô Tấn P1, mẹ Lý Thị H, em gái là Ngô Thị M1 và em trai là Ngô Tấn T5. Ông T3 chết năm 2001 có các con: Ngô Tấn T1, Ngô Tấn T3, Ngô Tấn M, Ngô Tấn P2, Ngô Tấn V, Ngô Tấn D, Ngô Thị Quý D1, Ngô Thị Quý D2, Ngô Tấn Đ và Ngô Thị Quý P.

Sau đó ông P1 có người vợ thứ hai là bà Nguyễn Thị H và có hai người con là Ngô Thị M2 và Ngô Thị Tấn A.

Người vợ thứ ba của ông P1 là bà Nguyễn Thị T1, có được mấy người con thì tôi không rõ.

Theo đơn khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế tôi có ý kiến như sau:

Năm 1965, ông Ngô Tấn P1 và bà Nguyễn Thị H có khai hoang một lô đất trước mặt nhà vợ chồng tôi đang ở. Lô đất này cha tôi đã nhiều lần cắt, bán cho nhiều người, trong đó có ông Phan Văn L và bà Nguyễn Thị S. Phần còn lại hiện nay bà Ngô Thị M1 đang sử dụng.

Năm 1976, cha mẹ tôi có mua căn nhà của bà X (cách thửa đất của vợ chồng bà tôi đường hẻm). Sau này cha mẹ tôi đã bán cho bà L, bà L bán lại cho ba gia đình hiện nay là Nguyễn Hữu T, anh Y, chị H.

Năm 1980, cha tôi bán căn nhà này và đưa bà T cùng những người con riêng về sống tại thôn H, xã C, huyện V.

Lô đất mà bà M1 kiện yêu cầu chia thừa kế là lô đất mà vợ chồng tôi đang sử dụng từ năm 1960 và đóng thuế từ năm 1976 đến nay. Năm 1975 đến năm 1977, gia đình tôi cho khối T mượn để làm Hội trường khối. Thời gian này ông Nguyễn K làm khối trưởng.

Năm 1980 đến 1983, vợ chồng tôi cho gia đình ông Phan Văn D là cán bộ địa phương sử dụng trồng hoa màu. Hiện ông D đang ở tại tổ B, phường Q.

Bà M1 khởi kiện yêu cầu chia thừa kế đối với lô đất này là không đúng, đây là lô đất của vợ chồng tôi đang sử dụng ổn định.

-Người liên quan, bà Ngô Thị M2 trình bày:

Tôi là con đời thứ hai của ông Ngô Tấn P1. Từ nhỏ đến lớn tôi sống cùng cha mẹ ở tổ X1, phường Q. Sau giải phóng tôi lập gia đình và làm ăn ở xa.

Cha mẹ tôi để lại nhà và đất có số thửa 38, tờ bản đồ số 76, diện tích 988m^2 đã có giấy chứng nhận tạm thời.

Nay bà M1 yêu cầu chia thừa kế, nguyện vọng của tôi là yêu cầu Toà án giải quyết chia theo pháp luật và phần đất được chia tôi xin đóng góp để làm nhà thờ.

-Người liên quan, bà Ngô Thị Tấn A trình bày:

Tôi là con của ông Ngô Tấn P1 và bà Nguyễn Thị H. Năm 2000 cha tôi chết và không để lại di chúc. Mẹ tôi chết năm 2006 cũng không để lại di chúc.

Cha tôi có để lại một lô đất tại tổ X1, phường Q và một lô đất tại thôn H, xã C, huyện V. Nay bà Ngô Thị M1 khởi kiện yêu cầu chia thừa kế, nguyện vọng của tôi là yêu cầu Toà giải quyết theo pháp luật.

-Người liên quan, bà Ngô Thị Tấn T1, bà Ngô Thị Tấn T2, ông Ngô Tấn T4, ông Ngô Tấn H3, ông Ngô Tấn T2 cùng trình bày:

Chúng tôi là con của ông Ngô Tấn P1 và bà Nguyễn Thị T1. Năm 1999, cha chúng tôi chết không để lại di chúc. Di sản để lại là một lô đất có diện tích là 988,8m^2 tại tổ X1, phường Q. Còn căn nhà trên đất là do các anh em bỏ tiền ra xây dựng.

Anh trai trưởng đã cậy thế đuổi chúng tôi đi và tự ý đập phá căn nhà, xây dựng trái phép các vật kiến trúc trên mảnh đất đó.

Nay chúng tôi yêu cầu chia di sản thừa kế là lô đất trên theo quy định của pháp luật, xin nhận bằng hiện vật cùng với bà M1 để sau này xây dựng nhà thờ chung cho cha mẹ.

-Người liên quan, ông Ngô Tấn Đ trình bày:

Tôi là con của ông Ngô Tấn T5 và là cháu nội của ông Ngô Tấn P1.

Ông nội tôi chết năm 1999, có để lại một lô đất tại thôn H, xã C, huyện V và một lô đất tại tổ X1, phường Q.

Nay bà M1 yêu cầu chia thừa kế di sản của ông nội Ngô Tấn P1 và bà nội Nguyễn Thị H để lại, tôi yêu cầu Toà án giải quyết theo pháp luật.

-Người liên quan, ông Ngô Tấn D trình bày:

Tôi là con của ông Ngô Tấn T5 và là cháu nội của ông Ngô Tấn P1.

Ông nội tôi chết năm 1999, có để lại một lô đất tại thôn H, xã C, huyện V và một lô đất tại tổ X1, phường Q.

Năm 2002 tôi được ông Ngô Tấn H1 cắt cho một lô đất và được sự đồng ý của bà Ngô Thị M1, có giấy viết tay và chữ ký của ông H1 và bà M1.

Nay bà M1 yêu cầu chia thừa kế là di sản của ông nội Ngô Tấn P1 và bà nội Nguyễn Thị H, tôi yêu cầu Toà án giải quyết theo pháp luật.

-Người liên quan, ông Ngô Tấn P2 trình bày:

Đề nghị Toà án chia thừa kế theo pháp luật. Riêng phần đất bà Nguyễn Thị H đã cho ông D tôi được biết khi cho có ông H1 và bà M1 đồng ý, tôi không có ý kiến gì.

-Người liên quan, ông Ngô Tấn H3 trình bày:

Việc bà M1 xin chia thừa kế tôi không có ý kiến gì và xin nhường phần được hưởng cho những người thừa kế khác và xin vắng mặt khi Toà án giải quyết.

-Sáu người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, là con ông Ngô Tấn T5 không có ý kiến và không tham gia khi được triệu tập).

Riêng bà Nguyễn Thị T2 không có đề nghị gì liên quan đến quyền lợi của bà.

Với nội dung trên, án sơ thẩm đã xử và quyết định

Áp dụng các điều 674, 675, 676, 677, 679, 685 Bộ luật dân sự, điều 106 Luật đất đai.

1. Chấp nhận yêu cầu chia thừa kế của bà Ngô Thị M1 đối với ông Ngô Tấn H1.

2. Xác định di sản của ông P1, bà H để lại là: 871,8m^2 đất tại tổ X1, TQ (đã trừ phần bà Nguyễn Thị H cho ông Ngô Tấn D trước khi bà H chết).

3. Chia di sản thừa kế bằng hiện vật như sau:

Ông H1, ông T5, bà A, bà M2 mỗi người nhận 129,4m^2 đất, trong đó đất ở 19,6m^2 (tương đương 126,831.600đ). Phần ông T5 do mười người con nhận thay gồm Ngô Tấn T1, Ngô Tấn T3, Ngô Tấn M, Ngô Tấn P2, Ngô Tấn V, Ngô Tấn D, Ngô Tấn Đ, Ngô Thị Quý D1, Ngô Thị Quý P, Ngô Thị Quý D2.

Bà M1 và năm con của ông P1 với bà T1 gồm các ông bà: Ngô Thị Tấn T1, Ngô Thị Tấn T2, Ngô Tấn T4, Ngô Tấn H3, Ngô Tấn T2 nhận chung một phần 354,17m^2 đất trị giá 347.086.000đ. Mỗi kỷ phần nhận tương đương 57.847.666đ. (Các ông bà Ngô Thị Tấn T1, Ngô Thị Tấn T2, Ngô Tấn T4, Ngô Tấn H3, Ngô Tấn T2 mỗi người phải thối trả chênh lệch giá cho bà M1 là 13.796.666đ).

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà bên phải thi hành án không thi hành thì hàng tháng còn phải trả lãi theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời gian chậm trả.

4. Án phí DSST bà Ngô Thị M1, ông Ngô Tấn H1, bà Ngô Thị M2, bà Ngô Thị Tấn A mỗi người phải chịu là 6.073.264đ.

Mười người con nhận thay phần ông Ngô Tấn T5 gồm: Ngô Tấn T1 , Ngô Tấn T3, Ngô Tấn M, Ngô Tấn P2, Ngô Tấn V, Ngô Tấn D, Ngô Tấn Đ, Ngô Thị Quý D1, Ngô Thị Quý P, Ngô Thị Quý D2 cùng phải chịu chung 6.073.264đ, chia mỗi người phải chịu 607.326đ.

Bà Ngô Thị M1 được khấu trừ số tiền 500.000đ tạm ứng án phí đã nộp tại cơ quan thi hành án dân sự quận T, biên lai thu số 1018 ngày 25.07.2007. Còn lại bà M1 phải tiếp tục nộp là 5.573.264đ.

Các ông bà Ngô Thị Tấn T1, Ngô Thị Tấn T2, Ngô Tấn T4, Ngô Tấn H3, Ngô Tấn T2 mỗi người phải chịu 2.892.388đ.

Ngoài ra bản án còn thông báo về quyền kháng cáo cho các bên đương sự.

Ngày 11 tháng 01 năm 2010, bị đơn ông Ngô Tấn H1 kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm, đề nghị Toà án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử lại theo quy định của pháp luật.

Ngày 16 tháng 3 năm 2010 Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng kháng nghị, đề nghị hủy bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa; Sau khi đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng phát biểu; Sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng rút toàn bộ Quyết định kháng nghị số: 16/QĐ-KNPT-DS ngày 16 tháng 3 năm 2010, do đó HĐXX đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng và xem xét kháng cáo của ông Ngô Tấn H1, thì thấy: Nhà đất tại tổ X1, phường Q, quận T, thành phố Đà Nẵng đang tranh chấp chia thừa kế giữa bà Ngô Thị M1 với ông Ngô Tấn H1 được Ủy ban nhân dân quận T, thành phố Đà Nẵng cấp Giấy chứng nhận tạm thời số: BQ

424053 ngày 22 tháng 11 năm 2013 đứng tên cụ ông Ngô Tấn P1 và cụ bà Nguyễn Thị H. Căn cứ giấy chứng nhận tạm nói trên thì tại thời điểm bà Ngô Thị M1 khởi kiện, nhà đất tại tổ X1, phường Q, quận T, Đà Nẵng là di sản của cụ Ngô Tấn P1 và cụ Nguyễn Thị H.

[2] Tại Bản án số: 49/2009/DS-ST ngày 28 tháng 12 năm 2009 Tòa án nhân dân quận T, thành phố Đà Nẵng đã chấp nhận yêu cầu của bà Ngô Thị M1, phân chia di sản nói trên cho các đồng thừa kế. Trong quá trình giải quyết ở cấp phúc thẩm, ngày 23 tháng 7 năm 2009 ông Ngô Tấn H1 có đơn khiếu nại, đề nghị Ủy ban nhân dân quận T, thành phố Đà Nẵng công nhận diện tích đất hiện do vợ chồng ông đang quản lý, sử dụng cũng là đối tượng đang tranh chấp trong vụ án chia thừa kế, thuộc quyền sử dụng hợp pháp của vợ chồng ông. Tại Quyết định số: 1499/QĐ-UBND ngày 10 tháng 5 năm 2011 Ủy ban nhân dân quận T, thành phố Đà Nẵng đã "*Chấp nhận đơn đề nghị giải quyết tranh chấp đất đai của ông Ngô Tấn H1, bà Nguyễn Thị T2"; "Bác đơn khiếu nại của ông Văn Minh T, người đại diện của bà Ngô Thị M1"; "Công nhận quyền được nhận quyền sử dụng đất cho ông Ngô Tấn H1 và bà Nguyễn Thị T2 theo diện tích thực tế đang sử dụng"*.

[3] Không đồng ý với Quyết định số: 1499/QĐ-UBND ngày 10 tháng 5 năm 2011 của Ủy ban nhân dân quận T, thành phố Đà Nẵng, bà Ngô Thị M1 khiếu nại đến Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng. Ngày 23 tháng 4 năm 2012 Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng ban hành Quyết định số: 3105/QĐ-UBND *"Không chấp nhận đơn của bà Ngô Thị M1 khiếu nại Quyết định số: 1499/QĐ-UBND ngày 10 tháng 5 năm 2011của Chủ tịch UBND quận T. Giữ nguyên nội dung Quyết định số: 1499/QĐ-UBND ngày 10 tháng 5 năm 2011 của Chủ tịch UBND quận T về việc giải quyết tranh chấp đất đai giữa ông Ngô Tấn H1 với bà Ngô Thị M1…*". Không đồng ý với các quyết định nêu trên, bà Ngô Thị M1 khởi kiện kiện vụ án hành chính tại Tòa án nhân dân quận T, thành

phố Đà Nẵng yêu cầu hủy Quyết định số: 1499/QĐ-UBND ngày 10 tháng 5 năm 2011 của Ủy ban nhân dân quận T, thành phố Đà Nẵng.

[4] Tại Bản án hành chính sơ thẩm số: 01/2013/HC-ST ngày 28 tháng 02 năm 2013 của Tòa án nhân dân quận T, thành phố Đà Nẵng và Bản án hành chính phúc thẩm số: 03/2013/HC-ST ngày 18 tháng 7 năm 2013 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng bác đơn khởi kiện của bà Ngô Thị M1 về việc hủy Quyết định số: 1499/QĐ-UBND ngày 10 tháng 5 năm 2011 của Ủy ban nhân dân quận T, thành phố Đà Nẵng. Ngày 30 tháng năm 2015 tại Thông báo giải quyết đơn đề nghị Giám đốc thẩm số: 331/TANDTC-HC, Tòa án nhân dân Tối cao không chấp nhận yêu cầu của bà Ngô Thị M1 kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm đối với Bản án hành chính phúc thẩm số: 03/2013/HC-ST ngày 18 tháng 7 năm 2013 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng nêu trên.

[5] Như vậy, đến thời điểm xét xử phúc thẩm vụ án chia thừa kế thì nhà đất tại tổ X1, phường Q, quận T, Đà Nẵng không phải là di sản do cụ ông Ngô Tấn P1 và cụ bà Nguyễn Thị H để lại mà thuộc quyền sở hữu của ông Ngô Tấn H1 và bà Nguyễn Thị T2 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: BQ 424053 ngày 22 tháng11 năm 12013. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: BQ 424053 ngày 22 tháng 11 năm 12013 đã làm thay đổi toàn bộ nội dung vụ án chia thừa kế do Tòa án nhân dân quận T, thành phố Đà Nẵng thụ lý, xét xử theo Bản án dân sự sơ thẩm số: 49/2009/DS-ST ngày 28 tháng 12 năm 2009.

[6] HĐXX cấp phúc chấp nhận toàn bộ kháng cáo của ông Ngô Tấn H1, sửa toàn bộ bản án sơ thẩm, bác toàn bộ yêu cầu của bà Ngô Thị M1 về việc chia thừa kế đối với nhà đất tại tổ X1, phường Q, quận T, thành phố Đà Nẵng. Do bác yêu cầu khởi kiện nên bà Ngô Thị M1 phải chịu án phí DSST không có giá ngạch theo quy định tại điểm a, khoản 7, Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc

hội về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí. Do sửa án sơ thẩm nên ông Ngô Tấn H1 không chịu án phí DSPT và được hoàn số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 289; khoản 2 Điều 308 và Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự;

1/ Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với Quyết định kháng nghị số: 16/QĐ-KNPT-DS ngày 16 tháng 3 năm 2010 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng.

2/ Chấp nhận toàn bộ kháng cáo của ông Ngô Tấn H1. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 49/2009/DS-ST ngày 28 tháng 12 năm 2009 của Tòa án nhân dân quận T, thành phố Đà Nẵng.

2.1. Bác yêu cầu của bà Ngô Thị M1 về việc "chia thừa kế" đối với ông Ngô Tấn H1.

2.2. Án phí DSST: 300.000đ bà Ngô Thị M1 phải chịu, được khấu trừ 500.000đ tạm ứng án phí DSST đã nộp (biên lai số: 001018 ngày 25 tháng 7 năm 2007 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận T, thành phố Đà Nẵng). Hoàn cho bà Ngô Thị M1 200.000đ tạm ứng án phí DSST đã nộp.

3/ Ông Ngô Tấn H1 không chịu án phí DSPT. Hoàn cho ông Ngô Tấn H1 200.000đ tạm ứng án phí DSPT đã nộp (biên lai thu số: 006400 ngày 11 tháng 01 năm 2010 của Chi cục Thi hành án dân sự quận T, thành phố Đà Nẵng).

4/ Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên.

Nơi nhận:
-VKSND TP Đà Nẵng.
-TAND quận T.
-Chi cục THADS quận T.
-Các đương sự.
-Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Chí Trung (đã ký)